

# CHÚ ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ KINH

## QUYỂN 3

### **1. Phải lia sự chìm nổi của giác quan xấu ác mà chân thật tu hành:**

Lại nữa, Đại Bồ-tát Đại Tuệ, cho đến phải thông đạt tướng phân biệt tự tâm hiện”. Năng thủ, sở thủ cũng gọi là năng duyên, sở duyên, tức là hai phần kiến tướng của tâm thức, cho nên Kinh Hoa Nghiêm chép: Nhờ năng lực năng duyên, sở duyên mà các pháp sinh ra. Ý các văn cho rằng muốn biết rõ điều này thì phải xa lia sự chìm nổi của giác quán xấu ác mà chân thật tu hành.

“Lại nữa, Đại Bồ-tát Đại Tuệ, cho đến phải siêng năng tu học”: Trụ trong tướng mà tâm trí tuệ an trụ, tức đoạn trên nói, thông đạt tướng phân biệt của tự tâm.

“Ba tướng gồm vô tướng ảnh tượng, cho đến đối với ba tướng này phải nên tu hành, không nên xả bỏ”. Nói con lừa què, nghĩa là chưa đạt đến vô công dụng tuệ.

### **2. Hướng về về Phật địa:**

“Này Đại Tuệ! Tướng vô ảnh tượng, cho đến hướng về Phật địa cho nên sinh khởi”. Tướng vô ảnh tượng là trí vô phân biệt lia hai thứ chấp thủ. Nhưng người Hai thừa ngoại đạo tu tập còn thấp kém, Đức Như lai thường quở trách. Ở đây là trái với chỗ chấp kém ấy, muốn cho họ hồi tâm, bỏ đường tà quy về nẻo chánh, các Đức Phật nguyện giữ gìn. Tướng, là nói các Đức Phật đều phát thệ nguyện thành thực hữu tình, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Tự chứng tướng mà Thánh trí hướng về, nghĩa là tướng tự giác Thánh trí của pháp thân Như lai, các văn khác rất dễ hiểu.

“Này Đại Tuệ! Đó gọi là ba tướng Thánh trí bậc thượng, cho đến phải siêng tu học”: Ý nói nhờ ba tướng này đạt đến quả vị Như lai, cho nên khuyên tu học.

### **3. Bồ-tát Đại Tuệ nương thân lực Phật mà nêu câu hỏi:**

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ, cho đến Thánh trí sự tự tánh pháp môn”. Tâm các vị Bồ-tát nghĩ rằng năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã

đều là pháp môn để bậc Thánh độ chúng sinh. Như lai trên đã nói tám thức rồi, xin vì chúng con nghe chỗ nương khác nhau của một trăm lẻ tám câu. Năm pháp Thánh trí sự, ba tự tánh các pháp môn có ý nghĩ này, cho nên Đại Tuệ nương nhờ thần lực các Đức Phật mà nêu câu hỏi này. Nói Thánh trí sự, tức năm pháp.

#### **4. *Thỉnh Phật nói các pháp môn như năm uẩn:***

“Tất cả Như lai Ứng chánh đẳng giác, cho đến tầng trời Sắc cứu cánh, thành thân Như lai”. Nói tự tướng, cộng tướng, là nói về khổ đế trong bốn đế. Như trong khổ đế, tất cả các pháp trong ba cõi như y báo, chánh báo, năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới v.v... Mỗi pháp khác nhau gọi là tự tướng. Khổ đế tức gọi cộng tướng, nghĩa là trong bốn môn khổ đế, vô thường là tướng chung của tất cả pháp hữu vi, khổ là tướng chung của tất cả pháp hữu lậu; không và vô ngã đều là tướng chung của tất cả pháp. Lại như năm ấm khác nhau gọi là tự tướng, chung thành thân người gọi là cộng tướng. Mười hai xứ, mười tám giới, v.v... cũng giống như vậy, cho đến tất cả các pháp mỗi pháp lại có tự tướng cộng tướng. Đâu-suất-đà, Hán dịch là Tri túc, cung trời Đâu-suất kia là chỗ ở của Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ. Trời Sắc cứu cánh là nơi báo Phật hạnh đã tròn đầy thành Chánh giác. Các văn khác đều có nói, xa lìa thói quen tội lỗi. Nêu bày các đức, thành tựu pháp thân Như lai, để có lợi này cho nên thỉnh Phật nói pháp môn như trên.

#### **5. *Các chấp khác nhau của ngoại đạo:***

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Có một hạng ngoại đạo, cho đến do đây nghĩ là trâu có sừng” dưới đây Như lai y theo sừng trâu, sừng thỏ, phá chấp danh tướng khởi kiến chấp vọng tưởng. Đây là nói chấp đắm của Hai thừa, ngoại đạo. Nghĩa là có một hạng ngoại đạo chấp tất cả các pháp theo nhân duyên diệt, vọng khởi phân biệt tướng thỏ không có sừng. Lại một loại ngoại đạo khác thấy công năng của bốn đại chủng, khi duyên căn thân trần cảnh chưa tan rã, hình lượng khác nhau, chấp trâu có sừng do không hiểu, chấp dị kiến lẫn nhau, sinh hiểu quyết định.

“Này Đại Tuệ! Kia rơi vào hai chiến chấp chẳng hiểu chỉ do tâm, cho đến tất cả đều do tâm phân biệt mà hiện ra”. Đây là nói nhắc lại bác bỏ kiến chấp của ngoại đạo kia. Văn có tám câu, bốn câu trên là bác bỏ nhân khởi chấp, bốn câu dưới chỉ bày vọng hiện. Cho nên Già-đà nói: Biết các pháp duy tâm, liền xả tướng trần bên ngoài, do đó dứt phân biệt, ngộ chân không bình đẳng. Suy nghĩ rất dễ hiểu.

#### **6. *Khuyến nên lìa phân biệt:***

“Đại Tuệ nên biết! Sừng thỏ lia có không, cho đến vì vậy cho nên đối với điều này không nên phân biệt”: Đoạn kinh này, bốn câu trên tổng kết nên lia vọng, trở xuống các câu nêu riêng việc bác bỏ kiến chấp. Thế nào là hạ? Là nêu riêng lên sự bác bỏ chấp kia, rơi vào chấp vô. Nói vì sao sừng thỏ lia hữu vô? Bác bỏ nói rằng làm nhân đối đãi nhau, vì sừng thỏ kia không có, vì sừng trâu là có. Nếu không có sừng trâu, vì sao nhân kia mà nói không ư! Phân tích đoạn dưới, kể là bác bỏ riêng sự chấp kia rơi vào chấp hữu. Nghĩa là nếu chấp trâu có sừng, phân tích sừng trâu đến chỗ rất nhỏ nhiệm làm gì có thật thể mà chấp có ư! Cho nên câu kệ dưới nói: Không có nhân có cho nên vô, là không gì không thành, không có đối đãi, vô cũng như vậy, xoay vần làm nhân cho nhau mà khởi, nói đều không thật. Việc là của Thánh trí thức hành là lia kiến chấp kia, nghĩa là như thật kiến, đều lia cả hữu của chấp thường, chấp đoạn cũng lia các vô của tà kiến chấp đoạn, cho nên kết thúc khuyên răn nên lia phân biệt.

#### **7. Bồ-tát Đại Tuệ hỏi về sự đối đãi và Phật đáp:**

“Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ, cho đến so sánh quán sát đối đãi vọng chấp vô”: Đại Tuệ do ở trên nói sừng thỏ v.v... lia có không, làm nhân đối đãi lẫn nhau. Phân tích sừng trâu cho đến rất nhỏ nhiệm tìm kiếm không thật có, nhưng vì lia vọng kiến kia nên lại hỏi Đức Phật rằng: Kia lia kiến chấp, đã không các tướng trâu có sừng, sao lại không so sánh quán sát đối đãi đồng với vọng chấp nói là vô.

“Phật dạy: Không nên phân biệt, cho đến không do đối đãi nhau mà nói lên sừng thỏ là vô”. Đức Như lai đáp rằng: Lia vọng kiến là không có phân biệt khởi tướng quán sát đối đãi để nói là vô. Vì sao? Vì vọng kiến kia dùng vọng tưởng phân biệt làm nhân sinh ra, vì sừng hữu vô mà khởi phân biệt làm sở y. Đã sở y làm nhân, tức vọng chấp có không, nhưng phân biệt và sừng đều không có tánh chắc chắn, lia khác chẳng khác. Lia phân biệt là chẳng phải do đối đãi nhau mà sừng trâu vô tánh hiển bày sừng thỏ không có.

#### **8. Nhắc lại để bác bỏ:**

“Này Đại Tuệ! Nếu vọng tưởng này khác với sừng thỏ, cho đến chấp có chấp không, cả hai đều chẳng thành”. Dưới đây nhắc lại phá chấp. Nói nếu phân biệt này chắc chắn khác với sừng thỏ, thì chẳng lấy sừng làm nhân. Nếu chắc chắn không khác thì lại do nhân kia mà khởi. Ý nói đều không có tự tánh. Phân tích sừng trâu cho đến rất nhỏ nhiệm, tìm không thật có, khác với có sừng, mà lại nói không có sừng. Phân biệt như vậy chắc chắn không đúng lý. Nghĩa là nếu cho hữu là có, thì

không là vô. Hữu đã không có, thì vô là không, cho nên nói cả hai đều có. Ai đối đãi ai, nên biết sừng trâu sừng thỏ cả hai đều vô tánh, mà đối với pháp gì mà nói có nói không ư! Nếu tướng đối đãi không thành đối đãi đối với có, cho nên nói sừng thỏ là không, không nên phân biệt, không phải là chánh nhân. Nghĩa là có và không làm nhân, không và có làm nhân, nhân này không phải chánh nhân. Hai nhân đã không chánh, hai quả có không, lý tự không thành, cho nên phá chung rằng Hữu vô Luận giả chấp có chấp không, cả hai đều không thành.

**9. Bác bỏ chấp sừng trâu sừng thỏ:**

“Này Đại Tuệ! Lại có ngoại đạo chấp hình trạng sắc v.v... cho đến dị hư không khởi phân biệt”. Trên là phân tích pháp, bác bỏ chấp sừng trâu, sừng thỏ. Đây là dùng pháp thể hợp với sắc không, nghĩa là cái nghe mà chúng sinh chấp khác nhau, cho nên Đức Phật lập bày cách đối trị có khéo vụng khác nhau, cũng là phá sự chuyển chấp. Nói, lại có ngoại đạo chấp hình dáng của sắc là chất, ngại biến đổi, bờ mé hư không rộng lớn vô ngại, mà sinh chấp đả cho rằng sắc khác không, khởi vọng phân biệt, đây gọi là Như lai trình bày về chấp kia.

“Này Đại Tuệ! Hư không là sắc tùy nhập sắc chủng, cho đến bờ mé sắc không nên biết”. Dưới đây là bác bỏ chấp. Phật dạy Này Đại Tuệ! Không tức là sắc, tùy nhập vào sắc chủng, ngoài sắc chẳng có không, sắc tức là không, làm năng sở lẫn nhau mà dựng lập tánh, chẳng phải sắc diệt không. Sắc không bờ mé nên biết như vậy.

“Này Đại Tuệ! Khi đại chủng sinh thì tự tướng đều khác, chẳng trụ trong hư không, chẳng phải kia chẳng có hư không”. Hợp lại quyền biến nói sắc không chẳng hai. Nghĩa là trước bác bỏ chấp có ngã của ngoại đạo, mà nói có tạo sắc từ đại chủng sinh, tự tướng đều khác, nhưng vì mật hiển tạo sắc tánh tức không, lại không phân biệt sắc mà trụ không, cho nên nói không trụ, chẳng phải chẳng có hư không.

**10. Quán trâu có sừng, thỏ không có sừng:**

Này Đại Tuệ! Quán trâu có sừng, thỏ không sừng cũng giống như vậy, cho đến đối đãi các vật khác, kia cũng như vậy. Đây lại dẫn hai sừng trâu thỏ kia để hợp với sắc không, quán các pháp vọng thấy khác nhau. Mỗi mỗi đối phá nên biết cũng như vậy. Nhưng kiến chấp của ngoại đạo tuy nhiều, cũng không ra ngoài ác kiến và hai thứ nhân: vô nhân và tà nhân. Nói ác kiến: nghĩa là các đế lý điên đảo suy đoán so lường nhiễm tuệ làm tánh, làm chướng ngại chánh kiến chiêu cảm nghiệp khổ. Người ác kiến chịu nhiều nỗi khổ. Kiến này hành tướng có năm thứ khác nhau: 1. Tát-ca-da kiến: nghĩa là đối với năm thủ uẩn

chấp ngã, ngã sở, tất cả kiến chấp nương làm nghiệp. 2. Biên kiến: tức hạng người kia tùy theo chấp đoạn, chấp thường, trong sự chướng ngại thực hành việc ra khỏi làm nghiệp. 3. Tà kiến: chê bai tác dụng thật sự của nhân quả, và chẳng phải bốn chấp và các tà thuyết khác, như tăng thượng duyên gọi nghĩa là biến. 4. Kiến thủ: nghĩa là đối với các kiến và sở y uẩn, chấp là trên hết, được sự thanh tịnh, tất cả sự tranh chấp sở y làm nghiệp. 5. Giới cấm thủ: nghĩa là thuận theo các kiến chấp giới cấm và uẩn sở y, chấp là trên hết, được sự thanh tịnh, không lợi ích siêng năng khổ nhọc sở lìa làm nghiệp. Nghĩa của hai thứ nhân, như đoạn dưới sẽ nói.

### ***11. Nên xa lìa dị kiến, vọng tưởng:***

Này Đại Tuệ! Ông nên xa lìa dị kiến vọng tưởng sừng thỏ, sừng trâu, cho đến quán sát pháp tu hành của tự tâm. Phật khuyên Bồ-tát nên thường quán sát tướng phân biệt do tâm hiện ra. Đã tự biết rồi, đối với tất cả mọi người xoay vần truyền trao cho nhau, giúp cho mọi người biết bệnh hiểu thuốc, giúp cho mau bình phục tu hành, đến nơi an vui.

“Lúc ấy, Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng: Tâm sở kiến không có, chỉ nương tâm sinh khởi, cho đến cảnh giới của tự giác”. Năm hàng kệ trên văn nói rất dễ hiểu nên không giải thích nhiều. Đây là y theo ngoại đạo chấp sừng trâu, sừng thỏ quyết định có không và sự khác nhau giữa sắc và không để phá danh, tướng phân biệt trong năm pháp đã xong.

“Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ, cho đến dần dần thanh tịnh hay thanh tịnh ngay tức khắc”: Đây là y theo tâm chúng sinh thanh tịnh mà hiện lực. Trong năm pháp theo thứ lớp nói về nghĩa chánh trí, nghĩa là tự giác Thánh trí của người năng tịnh, người sở tịnh thì tự tâm hiện lưu.

### ***12. Dần dần thanh tịnh chứ không phải thanh tịnh ngay:***

“Phật dạy Đại Tuệ, dần dần thanh tịnh chứ không phải thanh tịnh ngay tức khắc, cho đến khiến lìa tất cả ác chấp hữu vô”. Đoạn trên nói về bốn tiệm bốn đốn, nghĩa là tự tâm của chúng sinh thanh tịnh hiện lưu. Căn cơ Đại thừa là đốn, căn cơ tiểu thừa là tiệm. Tiệm là nói về quyền thừa, đốn là nói về thật. Quyền để đi đến thật, thật để dẫn dắt quyền. Cho nên bậc Thánh khai ngộ chúng sinh, hoặc đốn hoặc tiệm quyền thật thiên viên không hề không nương vào nhau, ngõ hầu giúp loài hàm thức tùy nghi được nhập vào. Lại nói rằng, Tiệm là y theo người tu hành chưa chứng nhập, là nói chúng sinh tu học thực hành Chỉ được tiệm. Đốn là y theo người tu hành đã chứng nhập.

### ***13. Các pháp không thật có, nhưng chúng sanh chấp đắm cho là***

**thật:**

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Phật từ pháp tánh có ra, cho đến chấp cho là thật đều không thật có”. Đây là nói ba thân Phật, lập ra nói pháp, giải thích thành đốn tiệm để nói lên nghĩa. Phật từ pháp tánh lưu xuất, tức là báo thân Phật. Nói tất cả pháp tự tướng, cộng tướng, tự tâm bản thức hiện thói quen nhân tướng và nhân tướng sở chấp của chuyển thức. Lại lệ thuộc lẫn nhau, các việc huyền đều không có tự tánh. Cho nên luận Khởi Tín chép: Tất cả các pháp đều nhờ vọng tâm vô minh của chúng sinh mà được giữ gìn, như hình bóng trong gương không thật có tự thể, nhưng vì chúng sinh không hiểu biết, chấp đắm cho là thật, vậy không lầm lẫn hay sao!

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Vọng chấp tự tánh, chấp đắm duyên khởi tự tánh khởi”: Ý nói tất cả các pháp tự tướng, cộng tướng v.v... vốn không có tự tánh, nương vào các duyên khác hòa hợp sinh khởi, giống như việc huyền, tức tánh y tha khởi. Nhưng vì chúng sinh vọng tưởng chấp đắm các thứ cho là thật, tức là vọng chấp tự tánh chấp đắm duyên khởi tự tánh mà khởi.

#### **14. Dẫn việc của nhà ảo thuật:**

“Nay Đại Tuệ! Thí như nhà ảo thuật dùng khả năng ảo thuật, cho đến bao nhiêu hình sắc khác nhau đều không chân thật”. Nêu ví dụ để hiểu rõ duyên khởi không thật. Như nhà ảo thuật nương cỏ cây, ngói gạch tạo ra các thứ huyền hóa. Thí như Như lai Tạng tánh, tùy duyên sinh khởi các pháp, cho nên Triệu luận chép: Muôn pháp giả lập không thật, thí như người huyền hóa, không có gì chẳng phải người huyền hóa, người huyền hóa chẳng phải người thật, đều nói về duyên khởi không thật.

#### **15. Hợp với pháp:**

“Nay Đại Tuệ! Ở đây cũng giống như vậy, cho đến ấy là tánh vọng chấp sinh”, đây là hợp với pháp, nghĩa là trong tánh duyên khởi sinh vọng tưởng tự tánh cũng giống như vậy.

Nay Đại Tuệ! Đó gọi là pháp tướng do Phật từ pháp tánh lưu xuất nói. Tổng kết nói các pháp do nhân duyên sinh, đều như huyền không thật.

Nay Đại Tuệ! Phật pháp tánh lập ra trí tự chứng, sở hành là tự tánh tướng của tâm: lập ra cảnh giới mà tự giác Thánh trí chứng đắc, là tướng phân biệt tâm lượng tự tánh trần cảnh, gọi là pháp của pháp Phật.

“Nay Đại Tuệ! Hóa Phật nói thí, giới, nhãn, tinh tấn, thiền định

và trí tuệ, cho đến siêu vượt hạnh vô sắc”. Hóa Phật tám tướng thị hiện thành đạo, ứng duyên giáo hóa chúng sinh. Nói sáu độ trị sáu tế, lìa năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, giải thoát các thức tướng, tùy nghi lập ra các pháp khác nhau, siêu vượt kiến chấp của ngoại đạo và vượt sở hành vô sắc, nghĩa là ngoại đạo chấp vô sắc cho là Niết-bàn.

**16. Nêu riêng pháp sở chứng của Phật để khuyên người tu chứng:**

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Phật pháp tánh chẳng bị phan duyên, cho đến phải mau xa lìa”: Phan duyên vọng niệm, pháp vọng sở duyên, vọng nghiệp sở tác. Các nghĩa như trong văn. Đoạn trên đã nói rõ ba thân Phật nói pháp. Kiết thúc này riêng nêu lên pháp sở chứng của Phật pháp để khuyên người tu học. Cho nên Kinh Pháp hoa chép: Tuy nói các đạo kia thật vì nhất thừa. Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Thanh văn thừa, cho đến chấp đắm, phân biệt tự tánh tướng. Hai là y theo Thánh trí hàng thanh văn đã chứng, để nêu rõ nghĩa chánh trí. Vì ở trên Đức Phật khuyên Bồ-tát tu tự chứng cảnh giới Thánh trí, nhưng hàng Thanh văn cũng có tướng tự chứng cảnh giới Thánh trí, muốn phân biệt khác với Thanh văn, cho nên nói Thanh văn có hai tướng khác nhau, tự chứng Thánh trí ban đầu khác với ngoại đạo kia, cho nên gọi là Thù Thắng.

**17. Thanh văn chỉ dứt bỏ phiền não hiện hành, chưa dứt bỏ phiền não thói quen:**

“Thế nào là tướng tự chứng Thánh trí thù thắng, cho đến tướng cảnh giới Thánh trí tự chứng”. Nói hàng Thanh văn ở trong ba cõi hữu tình, là nói thấy vô thường, khổ, không, vô ngã, và cảnh giới Bốn đế, chán lìa năm dục, tâm vắng lặng. Đối với uẩn, xứ, giới, hoặc tự mình, hoặc chung với bất hoại tướng, mà chưa đạt được pháp không, chỉ được trí tuệ người không, như thật biết rõ, tâm trụ nhất cảnh, trụ nhất cảnh rồi, liền đạt được các thiền định, tám giải thoát, ba môn tam-muội, tám phần Thánh đạo, bốn quả Sa-môn, mà được ra khỏi sinh tử. Nhưng chỉ dứt bỏ phiền não hiện hành, chưa dứt bỏ phiền não thói quen, chỉ dứt bỏ sinh tử phần đoạn, chưa lìa sinh tử biến dịch, cho nên gọi là tướng Thánh trí cảnh giới tự chứng của thừa Thanh văn .

**18. Đối với cảnh giới vui, Bồ-tát không nên tu học:**

“Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát cũng được Thánh trí cảnh giới, cho đến không nên tu học”. Nói Bồ-tát sở chứng hiểu rõ tất cả các pháp bản tánh vô sinh, chính thọ vui khác nhau với hàng Thanh văn dứt ấm, giới, nhập, cầu sự an vui Niết-bàn. Bồ-tát cũng chứng đắc cảnh giới Thánh trí này. Dùng bốn nguyện đại bi, không chấp chứng vắng lặng và cái vui tam-muội, cho nên răn dạy các các Bồ-tát, đối với cảnh giới vui không

nên tu học.

**19. Phân biệt nhận thức giữa Thanh văn và Bồ-tát:**

“Này Đại Tuệ! Thế nào là phân biệt chấp đắm tự tánh tướng, cho đến dần dần trụ vào các địa”: Đây nói hàng Thanh văn tuy biết các thứ pháp như hình sắc hiển sắc v.v... của bốn đại kia, chẳng phải như ngoại đạo chấp có tác giả. Nhưng Như lai vì ngăn khác nên quyền thuyết, đối với tự tướng, cộng tướng phân biệt chấp đắm, Bồ-tát đối với kia nên biết chỉ do tự tâm vọng hiện, cho nên phải lìa bỏ, hiểu rõ ngã pháp vốn không, dần dần nhập trí địa, đạt đến cảnh giới Như lai.

**20. Bác bỏ chấp đắm của ngoại đạo:**

“Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ, cho đến tác giả Thường bất tư nghị!”. Ba là bác bỏ chấp đắm của ngoại đạo, hiển bày nghĩa chánh trí, do ở trên Đức Như lai nói đốn là hiển bày trí Thường bất tư nghị. Đại Tuệ nêu lên để bạch Phật, Như lai nói Thường bất tư nghị tức là nghĩa Thánh trí bậc nhất tự chứng trong đây, cảnh chẳng đồng với các ngoại đạo nói tác giả Thường bất tư nghị, nghĩa là ngoại đạo dùng tác giả làm nhân tướng Thường bất tư nghị.

**21. Chẳng phải do nhân duyên tác giả mà được thường bất tư nghị:**

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Chẳng phải các ngoại đạo tác giả, cho đến thường bất tư nghị chẳng thành”. Như lai bảo Đại Tuệ: Chẳng phải các ngoại đạo do nhân duyên tác giả mà được thường bất tư nghị. Đó là do nhân tự tướng không thành, cho nên Kinh Lăng-nghiêm chép: dùng tâm sinh diệt làm gốc tu hành để cầu Phật thừa không sinh không diệt thì không bao giờ có việc ấy.

**22. Phật khuyên Bồ-tát phải siêng tu học:**

“Này Đại Tuệ! Đệ nhất nghĩa Thường bất tư nghị của ta, cho đến vì vậy Bồ-tát phải siêng năng tu học”. Đây là nói Như lai nêu Thường bất tư nghị trên có nhân, có tướng thành. Năng sở, nhân tướng đều lìa hữu vô, nghĩa là cảnh giới tự chứng Thánh trí chẳng phải cảnh giới nào khác cho nên có tướng Đệ nhất nghĩa. Trí là chánh nhân cho nên chẳng sinh diệt, cho nên có nhân. Năng sở nhân tướng lìa hữu vô cho nên không có tác giả. Thí như hư không Niết-bàn vắng lặng, không tác pháp cho nên Thường bất tư nghị, cho nên ta nói khác với các ngoại đạo có sự tranh luận. Thường bất tư nghị này, là chỗ chứng đắc Thánh trí tự chứng của các Như lai tự, cho nên Phật khuyên Bồ-tát phải siêng tu học.

**23. Nói về thường bất tư nghị của ngoại đạo:**

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Thường bất tư nghị của ngoại đạo, cho



đến chẳng phải nhân lực của tự tướng, cho nên thường: là nói ngoại đạo dùng tướng vô thường biến dị làm Thường bất tư nghị nhân, cho nên nói thường, chẳng phải nhân lực của tướng tự giác thực hành cho nên thường.

“Này Đại Tuệ! Thường bất tư nghị của các ngoại đạo, cho đến Vô thường đã không do đây nói là thường”. Nói ngoại đạo thấy pháp mà thế gian tạo tác có rồi lại không, đều là vô thường, vọng chấp thân ngã là thường, đợi vô thường rồi, so sánh biết là thường. Đức Phật thì trái lại, không do đó nói là thường.

“Này Đại Tuệ! Ngoại đạo dùng nhân tướng như vậy, cho đến không có tự nhân tướng”. Nếu ngoại đạo dùng nhân tướng vô thường như vậy thì thành thường bất tư nghị, nhân tướng này chẳng chân thật cho nên đồng với sừng thỏ. Thường bất tư nghị chỉ là vọng tưởng nói năng vì sao? Vì không có tướng thường của nhân thường.

#### **24. Nói về thường bất tư nghị của Phật:**

“Này Đại Tuệ! Thường bất tư nghị của ta, cho đến điều này không nên nói”: Ở trước thì nói Phật trái với ngoại đạo, ở đây thì ngoại đạo trái với Phật, sẽ không biết được tướng tự nhân của thường bất tư nghị, là hữu vô, siêu tình thức, mà thường vọng chấp ngoài tướng sở hành của tự chứng Thánh trí, do đó mà Đức Như lai răn không nên nói. Nhưng đạo của ba thừa tốt xấu cao thấp đều khác nhau, đều là nội chứng. Nếu ngoài tâm thấy pháp mặc tình nói lý sâu mầu thì thành ngoại đạo.

#### **25. Nếu thấu đạt sinh tử vốn không thì đối với Niết-bàn cũng chẳng thật có:**

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Các Thanh văn sợ sinh tử vọng tưởng khổ mà cầu Niết-bàn, cho đến không thật có”. Bốn câu này y theo kẻ trí, người ngu có sự hiểu biết cao thấp, để nói về chánh trí, không biết sinh tử Niết-bàn có tướng khác nhau, đó là vọng phân biệt về hữu, nghĩa là đối với sinh tử mà nói Niết-bàn, như đối với bệnh nói thuốc. Nếu thấu đạt được sinh tử vốn không thì đối với Niết-bàn cũng không thật có. Cho nên Kinh Tư Ích chép: Các Đức Phật ra đời không vì giúp cho chúng sinh vượt khỏi sinh tử, nhập Niết-bàn, mà chỉ độ hai thứ chấp sinh tử, Niết-bàn mà thôi. Vọng tưởng vô tánh tức là Niết-bàn.

#### **26. Sự mê lầm của phàm phu:**

“Vọng chấp đời vị lai các căn cảnh diệt, cho đến chuyển tàng thức sở y thành Đại Niết-bàn”. Do phàm phu không biết sinh tử tức là Niết-bàn, vọng chấp đời vị lai căn cảnh diệt, nghĩ là Niết-bàn, chẳng phải cảnh giới tự giác sở chứng. Cảnh giới trí tuệ mà Như lai sở chứng

ấy vì có thức tàng cho nên vọng thấy sinh tử, chuyển thức tàng thì sinh tử tức Niết-bàn. Cho nên đoạn kinh dưới nói: Thức vọng tưởng diệt gọi là Niết-bàn.

“Người ngu si kia nói có ba thừa, cho đến thường sinh tử luân hồi không dứt”. Người ngu cho rằng sinh tử khác Niết-bàn, vì người ngu này nói dứt sinh tử, hướng về Niết-bàn, cho nên nói chủng tánh ba thừa. Người trí nói sáu đường sinh tử này là do tâm lượng vọng tưởng chứ không có cảnh giới, nhưng người ngu kia không biết sinh tử vọng tưởng do các Đức Như lai ba đời nói là cảnh giới do tự tâm hiện. Do chấp tâm ngoài cảnh, chấp tướng sinh tử và Niết-bàn khác nhau cho nên bị trôi lăn trong sinh tử.

### **27. Tất cả pháp bất sinh:**

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Tất cả pháp chẳng sinh, là do các Đức Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai nói ra, cho đến chẳng phải hai cảnh giới phân biệt của người ngu kia”. Nói Như lai ba đời nói ngoài tâm hiện tất cả các pháp bất sinh, vì sao nói tự tâm hiện, chẳng có tánh, cho nên không sinh? Là hữu vô, sinh hai thứ kiến chấp cho nên bất sinh! Đây là nói về người trí biết các pháp không sinh khởi chủng tánh Phật, như sừng thỏ sừng ngựa xưa nay bất sinh. Phạm phu không giác ngộ vọng chấp sinh diệt, chỉ nơi sở chứng tự giác của Như lai, tất cả pháp tự thể tánh tướng không sinh, chẳng phải cảnh giới phân biệt hữu vô của người ngu.

### **28. Phải siêng tu học ý nghĩa tâm này hiện tất cả pháp bất sinh:**

“Nay Đại Tuệ! Thân và tài của sinh khí thế gian v.v... cho đến ông đối với nghĩa này phải siêng năng tu học”. Nói sắc thân chánh báo và khí giới tứ sinh, tất cả các pháp nguồn gốc là hình bóng của thức này, do hai thứ chấp năng, sở biến hiện, vọng tưởng vô tánh, mà các kẻ ngu rơi vào trong kiến chấp phân biệt hữu vô. Cho nên Đức Phật bảo Đại Tuệ, ông đối với ý nghĩa tâm này hiện tất cả các pháp bất sinh, phải siêng năng tu học.

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Có năm thứ chủng tánh, cho đến chủng tánh bất định, vô chủng tánh”. Năm là y theo chủng tánh để xét căn cơ. Nói về nghĩa chánh trí. Do ở đoạn trên sợ khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn, sinh ra chủng tánh, cho nên kể là nói tướng chủng tánh.

“Nay Đại Tuệ! Làm thế nào biết đó là chủng tánh Thanh văn thừa, cho đến đây là chủng tánh Thanh văn thừa. Nếu khi nghe nói ấm, giới, nhập, tự tướng, cộng tướng, thân chứng đắc Niết-bàn”. Biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo, an ổn vui mừng và ưa thích tu tập. Đối với

tướng duyên khởi phát ngộ không ưa quán sát, nên biết vì tu thượng pháp, đó gọi là chủng tánh Thanh văn Thừa.

**29. Thanh văn dứt hoặc phân biệt:**

“Hàng Thanh Văn-thừa tự thấy sở chứng của mình, cho đến cho đến hết sinh tử, được nhập Niết-bàn”. Đây nói rõ ràng Thanh Văn dứt hoặc phân biệt. Các Bồ-tát địa thứ năm, thứ sáu chỉ dứt phiền não hiện hành trong ba cõi, chưa dứt tập sử và sở tri chướng, hàng Thanh văn đã chứng đắc bốn trí rốt ráo giác cho nên hết sinh tử, chứng Niết-bàn giác.

“Này Đại Tuệ! Lại có chúng sinh cầu chứng Niết-bàn, cho đến đây là Niết-bàn”. Nói có chúng sinh vọng chấp giác biết ngã, nhân, chúng sinh, nuôi lớn sĩ phu mỗi mỗi khác nhau, chấp thần ngã là Niết-bàn, lại có ngoại đạo khác chấp rằng trời Tự tại v.v... là tác giả, gọi là Niết-bàn. Hai loại này thuộc về ngoại đạo vô chủng tánh.

**30. Ngoại đạo chấp có thần ngã tánh họ không có pháp giải thoát:**

“Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo kia không có giải thoát, cho đến nên siêng năng tu tập lìa bỏ ác kiến này”. Đây là nói ngoại đạo chấp có thần ngã, tánh họ không có pháp giải thoát Thanh văn chấp tự tướng, cộng tướng, chưa đạt được pháp không, đều không ngoài vọng giác, cho nên khuyên tu tập, chuyển ác kiến kia mà hướng về chủng tánh Như lai.

**31. Nói về chủng tánh thừa Duyên giác:**

“Đại Tuệ! Làm thế nào để biết đó là chủng tánh Duyên giác, cho đến nên nói cho họ nghe pháp Duyên giác thừa”: Nếu nghe nói các pháp duyên khởi, biết duyên thể không, không hề nhiễm đấm, hoặc khi nghe nói hiện các thứ thân, hoặc hợp nhiều thân thành một thân, hoặc chia một thân thành nhiều thân, cho đến dùng thần ngã biến hóa mà tin nhận không sai trái, vui mừng tu tập, đó gọi là chủng tánh Duyên giác thừa. Nhưng có hai thứ khác nhau: Hễ gặp Phật giảng nói mười hai nhân duyên, nương theo đó tu hành gọi là Duyên giác. Nếu ra đời không gặp Phật, không được gần gũi Phật, chỉ một mình tu hành tự ngộ thì gọi là Độc giác.

**32. Nói về chủng tánh thừa Như lai:**

“Này Đại Tuệ! Chủng tánh Như lai thừa, cho đến phải biết đây là chủng tánh Như lai thừa”. Pháp tự tánh, vô tự tánh, là pháp bí mật ba tự tánh ba vô tánh. Pháp tự chứng Thánh trí của nội thân, là Phật tự chứng nhất thừa liễu nghĩa, là pháp chân thật không thể suy nghĩ, nói năng. Pháp ngoài các cõi Phật rộng lớn, nghĩa là cõi Tịnh đại bi nguyện trang

nghiêm nhiếp hóa chúng sinh. Là Pháp rốt ráo đến địa vị nhất thế trí, hoặc có nghe nói các pháp này, cho nên gọi là chủng tánh Phật thừa.

### **33. Nói về chủng tánh bất định:**

“Này Đại Tuệ! Chủng tánh bất định, cho đến tùy sinh tín giải mà thuận theo tu học”. Đây là nói người chủng tánh bất định khi nghe nói pháp ba thừa, tùy bất cứ một thừa nào trong ba thừa đó mà sinh lòng tín nhập, thuận theo sự tu học mà thành. Tánh kia có thể đổi đổi cho nên nói bất định.

“Này Đại Tuệ! Đây là vì người ở Sơ trụ địa mà nói chủng tánh, cho đến Tạo tác lập ra”: Người ở bậc Sơ trụ địa tức chủng tánh bất định. Người ba thừa đều có thể vào được, nói cho họ nghe chủng tánh này, khiến họ tỏ ngộ quyền, hưởng thẳng đến thật, siêu nhập đệ bát vô sở hữu thứ tám, thẳng đến Như lai địa, cho nên làm ra sự lập ra này.

“Này Đại Tuệ! Kia trụ tam-muội lạc Thanh văn, cho đến cuối cùng sẽ được thân Như lai”: Ở đây nói về ba thừa năm tánh đồng nhập nhất Phật thừa của Như lai, nghĩa là trước quyền nói ba thừa năm tánh, Hai thừa định tánh, xiển-đề vô tánh, không được thành Phật. Nay rốt ráo nói, tuy có sự khác nhau giữa ba thừa năm tánh, do tâm huân, nên xưa nay chỉ có một Phật thừa. Nên một bày nhiều, vì vậy cho nên chỉ nói kia trụ tam-muội lạc Thanh văn. Đã tu tập dứt bỏ kiết phiền não, nếu hồi tâm chứng tri thức tánh, thấy pháp vô ngã, cuối cùng đều chứng được thân vô thượng trên hết của Như lai.

### **34. Đức Phật nói kệ cho rằng các bậc Thánh của bốn quả Thanh văn tâm họ đều mê loạn:**

“Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng: Quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, tất cả bậc Thánh này, tâm đều hoặc loạn”: Nói Tiểu thừa sơ tâm, tu bảy phương tiện, đến khi thấy được đế lý, có khả năng thấy đạo dứt bỏ được tám mươi tám sử trong ba cõi, bắt đầu dự vào dòng Thánh, nên gọi là “Dự lưu”, kể là từ đó phát sinh sáu vô ngại đạo, quả này đã dứt bỏ sáu phẩm tư hoặc trong cõi Dục, tu hoặc sở đoạn, chứng giải thoát thứ sáu, ở tầng trời, người còn một lần qua lại, gọi là quả Nhất lai. Sau đó lại phát ba vô ngại đạo, dứt hẳn chín phẩm tư hoặc trong cõi Dục và các phiền não, không còn trở lại thọ sinh ở cõi Dục nên gọi là quả Bất hoàn. Lại ở trong cõi Sắc tu hành, dứt hẳn tất cả phiền não ở hai cõi trên do tu mà dứt, được tận trí, vô sinh trí, không còn thọ thân đời sau, gọi là quả A-la-hán. Như lai phương tiện vì phạm phu sợ khổ sinh tử vọng tưởng, nên nói dứt phiền não trong ba cõi, chứng đắc quả vị khác nhau, nhưng đều không lìa tâm

lượng, cho nên nói các bậc Thánh này, tâm họ đều mê loạn.

“Ba thừa Nhất thừa và phi thừa do ta lập, là nói cho kẻ ngu ít trí tuệ, và các Thánh ưa lặng nói”: Phật ứng theo căn cơ mà thiết lập, ba thừa, Nhất thừa đều là quyền. Ba y theo một, một đối ba mà thiết lập. Ba thừa đã không còn thì một cũng chẳng có. Vì người ngu kia, ưa thích sự các bậc Thánh vắng lặng, cho nên nói.

“Pháp môn Đệ nhất nghĩa, xa lìa hai thứ chấp, trụ ở vô cảnh giới, sao dựng lập ba thừa”: Trong pháp môn Đệ nhất nghĩa, là không thật có, sao lại có giáo pháp và có tên các thừa.

“Các thiền và vô lượng, vô sắc tam-ma-đề, cho đến diệt thọ tưởng, chỉ tâm, không thật có”. Các thiền và vô lượng, nghĩa là bốn tịnh lự và bốn tâm vô lượng. Vô sắc tam-ma-đề, tức là bốn không xứ định của cõi Vô sắc. Diệt thọ tưởng, tức định diệt tận của hàng Thanh văn. Như lai nói các pháp như các thiền tam-muội v.v... cũng không có thật, vì tâm lượng vọng tưởng của kẻ ngu nên nói như vậy, cho nên nói chỉ do tâm, không thật có. Như trên nói về chánh trí đã xong.

### **35. Nói về Nhất-xiển-đề:**

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Trong đây Nhất-xiển-đề, cho đến vì chúng sinh vô thỉ mà phát nguyện”. Ba câu trên y theo Bồ-tát xiển đề. Biết sinh tử, Niết-bàn không hai để nói về nghĩa như như.

Thế nào là xả bỏ tất cả gốc lành, cho đến vì gốc lành đều dứt nên không được nhập Niết-bàn. Hạng xiển đề này chê bai pháp tạng Đại thừa, và làm ác, nói pháp này chẳng phải trong kinh tạng nói, do dứt bỏ tất cả gốc lành nên không thể nhập Niết-bàn.

“Thế nào là từ chúng sinh vô thỉ phát nguyện, cho đến đây là không có chủng tánh Niết-bàn, là bốn nguyện phương tiện của Bồ-tát”: Muốn dứt trừ sinh tử cho tất cả chúng sinh khiến họ được Niết-bàn thì hễ một chúng sinh chưa chứng nhập thì ta cũng không chứng nhập. Nói hạng nhất-xiển-đề chê bai Bồ-tát tạng cho nên không thể chứng đắc Niết-bàn, Bồ-tát nên biết sinh tử tức Niết-bàn, cũng lại không được Niết-bàn, vì không được Niết-bàn tên đồng, cho nên cũng nói trụ nhất-xiển-đề, đây là tướng của chủng tánh vô Niết-bàn.

### **36. Bồ-tát biết sinh tử Niết-bàn nên không nhập Niết-bàn:**

“Đại Tuệ Bồ-tát bạch Thế Tôn, cho đến vì vậy Bồ-tát, nhất-xiển-đề chẳng vào Niết-bàn”. Nói Nhất-xiển-đề bỏ gốc lành lại nhờ thần lực Như lai nên có khi sinh gốc lành, được Niết-bàn, vì vậy Bồ-tát biết sinh tử tức Niết-bàn, cho nên nói không nhập, như trên là nói về Như Như đã xong.

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát, cho đến duyên khởi tự tánh viên thành tự tánh”: Ở trên tuy phân biệt ba tự tánh thành năm pháp, nhưng chưa biết thế nào là ba tự tánh. Cho nên đoạn dưới đây nói rõ về thể của ba tự tánh. Nói vọng chấp tự tánh, nghĩa là kẻ ngu vọng tưởng chấp đấm. Sở chấp uẩn, giới, nhập v.v... là thật ngã, thật pháp, gọi là chấp tánh vọng. Ở đây có hai thứ: 1. Tự tánh: chấp chung các pháp thật có tự tánh. 2. Khác nhau: chấp riêng thường vô thường v.v... thật có tự thể, hoặc nương vào danh mà vọng chấp nghĩa, hoặc nương vào nghĩa mà vọng chấp danh v.v... Y theo thể không ra ngoài hai thể người và pháp. Y theo chấp không ra ngoài hai chấp danh và nghĩa. Lại nói rằng chúng sinh nhiễm tâm đối với tự tánh y tha khởi, có hai thứ vọng chấp tự tánh: 1. Tùy giác: tức hiện hành chấp. 2. Quán tập thói quen tùy miên: tức chấp hạt giống... Nói duyên khởi tự tánh, nghĩa là y tha các duyên hòa hợp dậy lên, giống như sự huyễn, gọi là Duyên khởi tự tánh, cũng có hai nghĩa: 1. Nương các chân lý khác, như sóng nương nước mà sinh khởi. 2. Nương các vọng duyên khác, như sóng nương gió mà dậy lên. Viên thành tự tánh, nghĩa là vọng tưởng thể vốn không, duyên khởi vô tánh, tức là viên thành, cuối cùng chỉ một chân như, lại không thật có, cho nên Kinh Lăng-nghiêm chép: Vô lậu chân tịnh, tại sao trong đó lại dung nạp các vật, trên đã giải thích chung rồi, đoạn dưới sẽ giải thích riêng.

**37. Vọng tưởng vô thể, chỉ từ duyên khởi:**

“Nay Đại Tuệ! Vọng chấp tự tánh từ tướng sinh, cho đến chủng loại hiển hiện sinh khởi chấp đấm”. Nói vọng tưởng vô thể, chỉ từ duyên khởi sự tướng sinh chấp đấm.

“Nay Đại Tuệ! Kia chấp đấm sự tướng, cho đến đó gọi là hai thứ vọng chấp tánh tướng”. Nói chấp tướng này khởi hai thứ vọng tưởng. Đó là các Như lai lập ra giảng nói, nghĩa là pháp trong ngoài sanh ra các tên gọi nam nữ, bình áo, v.v... đó gọi là tướng chấp đấm tướng. Đối với pháp trong ngoài kia chấp đấm tự tướng công tướng, việc này gọi là tướng chấp đấm tướng, tức là hai thứ chấp đấm tự tánh khác nhau.

**38. Các pháp từ duyên sinh nên gọi là tánh duyên khởi:**

“Nay Đại Tuệ! Từ sở y, sở duyên mà sinh khởi ra tánh duyên khởi này”: Là nương theo nhân, nghĩa là các pháp từ duyên sinh nên gọi là tánh duyên khởi. Cho nên nói chẳng hề có một pháp nào không từ nhân duyên sinh.

“Thế nào là viên thành tự tánh, cho đến đó gọi là viên thành tự tánh Như lai Tạng tâm”: Nói viên thành tự tánh không có tự thể riêng,

chỉ ở nơi duyên khởi tự tánh, lia danh tướng sự tướng phân biệt luống dối, tự giác Thánh trí sở chứng Như như. Đây là viên thành tự tánh pháp thân thật thể Như lai Tạng tánh thanh tịnh chân tâm. Vì vậy phải nhờ vào phương tiện như thật, lia niệm quán sát mới ngộ nhập được, cho nên luận đại thừa nói rằng: tự tánh viên thành thật, nên biết giảng nói bốn pháp thanh tịnh: 1. Tự tánh thanh tịnh, nghĩa là chân như thật tế thắng nghĩa pháp giới. 2. Ly cấu thanh tịnh, nghĩa là xa lia tất cả chướng ngại như bản. 3. Đắc được đạo thanh tịnh này, nghĩa là tất cả các pháp Ba-la-mật-đa, Bồ-đề phần. 4. Sinh cảnh giới thanh tịnh này, nghĩa là dạy bảo chánh pháp tối thượng thừa nhiệm mầu. Bốn pháp như vậy gồm thấu tất cả các pháp thanh tịnh không bỏ sót một pháp nào.

**39. Mê thì Niết-bàn thành sanh tử, ngộ thì sinh tử thành Niết-bàn:**

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này bèn nói kệ rằng: “Danh tướng phân biệt, hai tự tánh tướng, chánh trí như như, ấy Viên thành thật”: Trước nói về pháp thế gian, xuất thế gian, hoặc nhân hoặc quả nhiễm tịnh khác nhau, không lia năm pháp, Nhất hạnh kinh này, lại gồm thấu năm pháp thành ba tự tánh, nghĩa là danh tướng phân biệt vọng chấp duyên khởi hai tự tánh, chánh trí như như tức Viên thành thật. Cho nên biết ba tánh không có bờ bến, bất cứ một pháp nào cũng gồm thấu hoàn toàn các pháp còn lại, chân vọng dung nhiếp lẫn nhau, tánh tướng không ngăn ngại. Từ duyên khởi sinh phân biệt tức là vọng chấp; từ duyên khởi ngộ chân thật, tức là viên thành. Do phân biệt nên một phần thành sinh tử, do chân thật nên một phần thành Niết-bàn, vì hiểu rõ phân biệt tánh không thì sinh tử thành Niết-bàn. Mê chân thật tánh hữu thì Niết-bàn thành sinh tử, đều là một pháp, tùy duyên hiển nghĩa mà thành ba, ba chẳng phải ba mà một tánh viên tròn. Một chẳng phải một mà ba tánh đầy đủ, quyển thư không lỗi, ẩn hiển thường như, chẳng phải một chẳng phải ba, dứt tánh tướng ở nơi thật địa. Vừa ba vừa một, sáng suốt khắp nghĩa thiên, toát yếu chỗ quy thú chẳng gì hơn chỉ này.

**40. Tổng kết khuyên tu học:**

“Này Đại Tuệ! Đó gọi là quán sát pháp môn năm pháp tự tánh, cho đến phải siêng năng tu học”. Tổng kết thành pháp môn năm pháp ba tánh để khuyên tu học.

**41. Quán sát hai tướng người và pháp vô ngã:**

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát cho đến pháp là tướng vô ngã”: Đã tu học được năm pháp ba tự tánh rồi, lại phải quán sát hai tướng người pháp vô ngã. Người vô ngã, tiếng Phạm là Bồ-đặc-già-la,

Hán dịch Sác thủ thú, nghĩa là các loài hữu tình, khởi hoặc tạo nghiệp, tức là năng thủ năm đường ở vị lai gọi là Đường. Tuy là thường khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi năm đường nhưng đều không có chủ thể thật dụng tự tại cho nên nói vô ngã. Kinh dạy: Vô ngã vô tạo vô thọ, nghiệp thiện ác cũng không mất. Pháp vô ngã, nghĩa là thể của Phật pháp tuy giữ gìn tự tánh làm khuôn phép giúp cho người nhìn vào thì biết, cũng không có thắng tánh thực dụng tự tại, nên nói vô ngã. Hai thứ ngã chấp này, hoặc có hữu tình gồm chấp Bồ-đặc-già-la làm ngã, hoặc có hữu tình chấp riêng sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm ngã. Cho nên luận Du-già chép: Bồ-đặc-già-la vô ngã, nghĩa là lia ngoài tất cả hạnh duyên sinh mà có thật ngã riêng thì không thể được. Pháp vô ngã, nghĩa là tất cả các hạnh duyên sinh, tánh chẳng phải thật ngã đó là vô thường. Cho nên kinh dạy: Phải khéo quán sát. Như trên là giải thích sơ lược chung rồi, văn dưới là giải thích rộng riêng.

#### **42. Thế nào là người vô ngã:**

“Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng người vô ngã? Cho đến đều do tạng tâm hiển hiện”. Thế nào là người vô ngã nghĩa là lia ngã? Thế nào là lia ngã? Nghĩa là đối với ấm, giới, nhập... của ngã sở phân biệt quán sát, do vô minh nghiệp ái sinh, đối với các căn như nhãn thức... vọng chấp tự tâm hiện cảnh giới vọng tưởng, đều do tâm tạng vọng tưởng thi thiết lập ra; những thứ ấy đều không có ngã. Đây là y theo ấm, giới, nhập mà nêu bày vô ngã.

“Sát-na nối nhau biến hoại không ngừng, cho đến lăng xăng không yên như vượn khỉ”: Dưới đây là y theo ví dụ nêu năm quán môn để nói về vô ngã. Đây là nêu lên vô thường môn. Ngã có nghĩa là thường, nay đã vô thường cho nên không có ngã. Văn nêu sáu ví dụ. Năm ví dụ trên là huyền thân, một ví dụ dưới là vọng tâm. Như nước theo dòng, hạt mầm thay đổi, đèn nhờ các duyên, gió thổi không ngừng, mây nổi khởi diệt. Dùng các ví dụ sát-na thay đổi này, thân này cũng giống như vậy, đâu có thường! Lại nữa, vọng tâm lăng xăng, v.v... như vượn khỉ, đã không thể giúp cho thân tâm thường trú, nghĩa của ngã cũng vậy. Ưa chỗ bất tịnh như ruồi lẩn, nêu pháp môn bất tịnh để nói về vô ngã ấy, nhưng tất cả thế gian tham ái thân bất tịnh này, thân này chứa đựng ba mươi sáu thứ ô uế, như chỗ ruồi lẩn thường đậu. Ngã nghĩa là tịnh, nên biết là vô ngã.

#### **43. Nêu khổ môn để bác bỏ ngã:**

“Không biết thỏa mãn như lửa dữ”. Là nêu khổ môn để bác bỏ ngã. Có chỗ nói như gió thổi lửa thì Ngã nghĩa là vui. Nay tham dục



không thỏa mãn như lửa dữ trong gió, gặp củi liền cháy, tìm kiếm không được. Bị khổ ép ngặt không có an vui, cho nên biết vô ngã.

“Thói quen luống dối từ vô trí cho nên trôi lăn trong các đường không dừng như bánh xe quay nước”. Nêu pháp môn không tự tại để nói về vô ngã, nghĩa là thói quen luống dối từ vô trí của nghiệp huân tập, qua lại trong ba cõi, như bánh xe quay nước xoay chuyển không dừng, vì ưa thích nước cho nên tưới nước, nghiệp nhân tức là nghiệp nhân xô đẩy, đâu có thật ngã.

“Các thứ thân sắc, trong mọi cửa chỉ, cho đến cũng như con rối nhờ có sợi dây mà di động”. Đây là nói không môn để bác bỏ ngã, nghĩa là quán sát ấm, giới, nhập các thứ sắc thân, như con rối có sợi dây, huyền thuật làm thầy chết đứng dậy đi, dù nói như thế nhưng thật chẳng phải ngã.

“Nếu khéo biết tướng của nó thì gọi là trí về người vô ngã”: Trên là dùng pháp dụ để vặn hỏi. Khéo biết ấm, giới, nhập đều không có ngã. Như con rối có sợi dây v.v... đó gọi là về trí người không.

#### **44. Nói về pháp vô ngã:**

“Này Đại Tuệ! Thế nào là trí về pháp vô ngã? Nghĩa là biết ấm, giới, nhập là vọng chấp tự tánh”: Nói Bồ-tát biết pháp duyên khởi ấm, giới, nhập. Nếu chấp là thật thì đó là tự tánh vọng chấp, xưa nay chẳng thật có. Cho nên Kinh Bảo Tích chép: Rõ sắc không bền chắc như chum bột nước, suy nghĩ các thọ v.v... như bột nước, tưởng như ánh sáng mặt trời soi chiếu, đối với các hành nên quán sát, như người đời khéo huyền thuật ca múa, sát-na liền hiện các sắc tượng, hiểu rõ thức dụng cũng như vậy. Người trí đối với việc này đều không mong muốn. Đây là bác bỏ phàm chấp phu có năm uẩn. Kinh Đại Bát-nhã chép: Khổ não như chum bột nước là tướng uẩn, đức Như lai biết là vô tướng. Kinh Bảo Tích lại chép: Trong ngoài mười hai xứ, ta nói tâm làm chủ, kia lại do nghiệp mà sinh, nghiệp do suy nghĩ mà tồn tại lâu dài, nhãn sắc đều là duyên mà sinh khởi thức, duyên thiếu thì bất sinh, thí như lửa không có củi. Như vậy sinh các pháp, hòa hợp sinh lẫn nhau. Vô tác vô thọ là hiện tác dụng như huyền. Tất cả các pháp trong ngoài, ta đã biết không huyền, kẻ ngu chấp điên đảo, phân biệt ngã, ngã sở. Đây là phá phàm phu chấp có mười hai xứ, mười tám giới. Kinh Đại Bát-nhã chép: Sinh trưởng môn là xứ tướng, Như lai giác là vô tướng, nhiều độc hại là giới tướng. Kinh Lăng-nghiêm cũng chép: Căn trần cùng nguồn, buộc mở không hai, thức tánh luống dối, như hoa trong hư không.

“Như ấm, giới xứ lia ngã ngã sở, cho đến phàm phu phân biệt

chẳng phải các Thánh”. Như ẩm, giới, nhập, không, vô ngã, ngã sở, chỉ cùng chứa nhóm nghiệp phiền não, như dây tự trời, xoay vần sinh nhau, không thật có tự thể. Tất cả các pháp cũng giống như vậy, lìa tự tướng, cộng tướng, do vọng phân biệt các thứ tướng cảnh. Kẻ ngu như thế chẳng phải các bậc Thánh, giúp cho họ biết ngộ tu, vượt phàm lên Thánh.

**45. Vì sao bậc Thánh không khởi vọng tưởng:**

“Quán sát tất cả các pháp như thế, cho đến trí về pháp vô ngã”. Nói các bậc Thánh hiền vì sao không khởi vọng tưởng, đó là do dứt tất cả danh tướng vọng tưởng của tâm, ý, ý thức.

“Chứng đắc trí này rồi, biết không có cảnh giới, cho đến mà ngồi trên đó”. Dưới đây là nói về quán sát pháp vô ngã ngã sở được lợi ích. Nghĩa là thấy pháp vô ngã cho nên được nhập Sơ địa. Quán sát khai giác thứ lớp dần dần tiến đến Thập địa, việc phải làm đã làm xong, có hoa sen báu lớn, trên đó có các báu trang nghiêm, có cung điện báu lớn, tòa sen báu lớn. Bồ-tát tu tam-muội Như huyễn mà thành tựu, ngồi trên đó thọ chức vị Phật.

**46. Phật xoa đánh Bồ-tát trao quả Phật:**

“Đồng hàng Phật tử trước sau vây quanh, cho đến được Phật rước nước trên đỉnh”. Nói các Bồ-tát này muốn thọ nhận địa vị Phật, Bồ-tát cùng loại là quyến thuộc vây quanh trước sau, tất cả các Đức Phật từ mười phương đến, xoa tay trên đỉnh đầu thọ ký thành Phật. Như khi vua Chuyển luân trao ngôi vị cho thái tử, dùng chung vàng đựng đầy nước bốn biển lớn rưới lên đầu Thái tử, trao địa vị vua Chuyển luân. Thí như các Đức Phật đều dùng tay phải xoa lên đỉnh đầu các vị Bồ-tát trao địa vị Pháp vương.

“Vượt lên địa vị Phật, được pháp tự chứng, cho đến phải riêng tu học”. Vì thấy pháp vô ngã, nương vào đây tăng tiến hành nhân tròn đầy, cho nên vượt địa vị Bồ-tát, được pháp thân Như lai, vì vậy cho nên nói các Bồ-tát phải nên tu học.

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ, cho đến xin nói tướng dựng lập chê bai”. Do ở trên quán hai thứ vô ngã, lìa được hai chấp hữu vô, đoạn thường, cho nên thỉnh tướng dựng lập, chê bai. Chẳng có nói có gọi là lập ra, chẳng phải không nói không gọi là chê bai.

“Giúp con và các Đại Bồ-tát, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Nếu Đức Như lai nói cho chúng con nghe, giúp chúng con lìa kiến chấp hữu vô, mau chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

“Chứng đắc Bồ-đề rồi, cho đến để không sinh tâm chê bai chánh

pháp”. Nói chánh pháp lìa hữu vô, nếu nói hữu vô gọi là chệch chánh pháp.

**47. Phật nhận lời Bồ-tát thỉnh liền nói kệ:**

“Phật nhận lời Bồ-tát Đại Tuệ thỉnh rồi liền nói kệ: Thân tư tài an trụ đều chỉ tâm ảnh tượng, cho đến lìa tâm không thật có”. Ý nói các pháp y báo, chánh báo, không biết tự tâm vọng hiện, mà khởi hữu vô, dựng lập chệch bai, rơi vào hai kiến chấp.

“Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói về nghĩa này, cho đến tánh vô hữu, tánh dựng lập có bốn thứ”. Đây là nêu bốn tên, gọi đó là trong chẳng có tướng, kiến, nhân, tánh, mà ựng lập một cách ngang trái.

“Này Đại Tuệ! Sự chệch bai, cho đến đó là tướng dựng lập chệch bai”. Kia là pháp dựng lập, quán sát không được mà nói là vô, đó gọi là chệch bai.

“Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng hữu vô, tướng dựng lập, cho đến đó gọi là tướng hữu vô, tướng dựng lập. Nghĩa là ấm, giới, nhập chẳng có tự tướng, cộng tướng mà vọng chấp đây như vậy, là tự tướng, đây chẳng khác, là cộng tướng. Đây là do lỗi vọng tưởng luống dối các thói quen từ vô thủy sinh”.

“Thế nào là không có kiến dựng lập kiến? Cho đến đó gọi là không có kiến dựng lập kiến”. Nghĩa đối với ấm, giới, nhập vọng dựng lập ngã, nhân, chúng sinh, cho là năng kiến.

“Thế nào là không có, nhân dựng lập nhân? Cho đến đó gọi là không có nhân, dựng lập nhân”: Ngoại đạo dựng lập thức ban đầu có nhân từ Minh Đế mà sinh. Phật dạy thức ban đầu này không từ Minh Đế nhân sinh, thức ban đầu kia vốn không sinh, sau nhãn, sắc, minh, niệm v.v... làm nhân, như huyền mà sinh, một niệm không dừng trụ, sinh rồi có, có rồi diệt.

**48. Tất cả pháp lìa hữu vô:**

“Thế nào là tánh hữu vô, tánh dựng lập? Cho đến đó gọi là tánh hữu vô, tánh dựng lập”: Nói ngoại đối với ba pháp vô vi vô tác mà lập ra tánh hữu. Phật dạy ở đây lìa tánh phi tánh, nói tất cả các pháp lìa hữu vô. Giống như vòng lửa xoay, tốc rã do dụi mắt mà sinh, như sừng thỏ, sừng ngựa... vốn tự chẳng có.

“Này Đại Tuệ! Dựng lập chệch bai, cho đến phải nên quán sát xa lìa kiến chấp này”. Tổng kết lìa hai thức ác kiến, để khuyến tu học.

“Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát, cho đến tướng năm pháp, ba tự tánh, hai vô ngã”: Phật dạy tám thức, năm pháp, ba tự tánh, hai vô ngã, là muốn giúp cho chúng sinh lìa danh tướng phân biệt, chứng đắc pháp

thân Như lai, xoay vần nối nhau thành Phật không dừng.

**49. Không trụ trong hai thừa tất cả và Bích-chi-Phật:**

“Vì chúng sinh nên hiện các thứ thân, cho đến không trụ trong đạo Thanh văn, Bích-chi-Phật”. Vì lợi ích chúng sinh khiến hạt giống Phật không mất. Tùy theo gốc lành chúng sinh mà hiện bóng các thứ sắc thân, như nương duyên khởi mà sanh vọng chấp, để dụ cho Như lai nương gốc lành chúng sinh mà sinh, như hạt ngọc Ma-ni không có tác tâm mà tùy màu thay đổi, để dụ cho Như lai không tác ý, tùy theo nước tâm gốc lành của chúng sinh lớn hay nhỏ mà thay đổi, cũng như ngọc Ma-ni tùy vật mà biến hiện, để thí dụ Như lai tùy theo gốc lành của chúng sinh hiện chứng cõi Phật, đại chúng nhóm họp trong đó nói pháp. Nói tất cả các pháp như huyền, như mộng không thật. Bồ-tát đã biết các pháp như huyền, mà lia kiến chấp sinh tử đoạn thường v.v... cũng lia kiến chấp tự tướng, cộng tướng của hai thừa.

“Nghe rồi thành tựu vô lượng trăm ngàn, cho đến xa lìa các kiến chấp hữu vô v.v...”. Nói Bồ-tát đã biết các pháp như huyền, chứng đắc các địa vô lượng ức tam-muội hiện thành Chánh giác. Lại nói rằng pháp do tự tâm hiện lượng, khiến chúng lia các chấp chư hữu vô v.v...

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng: Phật tử thường quán sát, thế gian chỉ là tâm, cho đến tất cả đều thành tựu”. Nói quán sát sự sinh tử của thế gian chỉ do tự tâm vọng hiện, như ngọc ma-ni vô tư hiện ra nhiều màu, lia sự tạo tác thì tất cả thành tựu.

**50. Đại Tuệ nêu lên pháp không để thừa hỏi Như lai:**

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ, cho đến vô sinh, không hai, vô tự tánh tướng”. Ở trên nói tất cả các pháp như huyền, như mộng, tức là nói pháp không, cho nên Đại Tuệ nêu lên pháp không này để thừa hỏi Như lai. Lại nói rằng dưới đây nêu không, vô sinh... để nói lên chí thú của bốn môn ở trên. Cái gọi là không là nói năm pháp ở trước chẳng phải thật có. Vô sinh để nói lên tám thức bất sinh. Không hai, là hai thứ ngã đều mất. Lia tánh tức ba tánh vắng lặng. Cho nên đoạn kinh trên nói: Thấy cảnh giới sở hành của các Đức Như lai, rốt ráo lìa bỏ, năm pháp, ba tự tánh.

“Con và các vị Bồ-tát đã ngộ được tướng này, cho đến đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Chúng con giác ngộ rồi, tức lìa vọng tướng, mà chứng Bồ-đề.

**51. Phật hứa trả lời:**

Phật dạy: Lắng nghe! Ta sẽ nói cho các ông nghe, cho đến nói không, vô sinh, không hai không tự tánh”. Nói không, là thế gian vọng

tướng chấp đắm tánh cú nghĩa, vì phạm ngu chấp tự tánh các pháp, cho nên ta nói các pháp không, vô sinh, không hai lìa tự tánh tướng.

“Này Đại Tuệ! Lược nói tánh không có bảy thứ: Tướng không, tự tánh không, thành không, vô hành không, Nhất thiết pháp chẳng thể nói không, Đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không và bỉ bỉ không”. Các giáo nói về nghĩa không, tự có thêm bớt. Kinh này tuy tóm lược, nghĩa kia không khác nhau.

a) “Thế nào là Tướng không? Nghĩa là tất cả các pháp... cho đến thế nên nói tất cả các pháp tự tướng là không”. Nói tướng các pháp xoay vần làm nhân duyên cho nhau, chứa nhóm, không có tự thể. Tự tướng và cộng tướng đều bất sinh, cho nên tướng nương vào đâu mà an trụ?

b) “Thế nào là Tự tánh không? Nghĩa là tất cả pháp tự tánh bất sinh, đó gọi là tự tánh không” tức sinh tánh thể tự tánh bất sinh.

c) “Thế nào là vô hành không? Nghĩa là các uẩn xưa nay là Niết-bàn, cho đến đó gọi là vô hành không” tất cả các pháp bản tánh thường diệt, không còn diệt nữa, há có hành ư!

d) “Thế nào là hành không? Nghĩa là các uẩn do nghiệp và nhân, cho đến đó gọi là hành không”: Nói năm ấm các hành pháp, từ các duyên sinh khởi, không có ngã và ngã sở, pháp hữu vi hành không.

e). “Thế nào là tất cả pháp không thể nói không, cho đến đó gọi là không thể nói không”: Tất cả pháp từ vọng tưởng sinh ra, không có tự tánh cho nên lìa lời nói.

f) “Thế nào là Đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không, cho đến đó gọi là Đệ nhất nghĩa, Thánh trí đại không”: Nghĩa là khi Như lai đắc tự giác Thánh trí Đệ nhất nghĩa thì tất cả vọng tưởng thói quen kiến chấp lỗi lầm thấy đều xa lìa.

g) “Thế nào là bỉ bỉ không? Nghĩa là đối với đây không kia, đó gọi là bỉ bỉ không?” Đây gọi là vô không lẫn nhau. Đối với đây không kia, đối với kia không đây nên gọi là bỉ bỉ không. Đối với kia có đây, đối với đây có kia, thì chẳng gọi là không.

### **52. Nêu ví dụ để hiển bày rõ:**

“Thí như nhà Lộc Tử Mẫu không có voi ngựa trâu dê, cho đến chẳng phải không có chúng Tỳ-kheo”: Lộc Tử là tên người, mẹ của Lộc Tử là Ưu-bà-di, Tỳ-xá-khư, rất kính trọng Tam bảo, xây dựng tinh xá cho chúng Tỳ-kheo ở, trong đó không có các súc vật như voi ngựa, vì không có voi ngựa cho nên nói không.

“Này Đại Tuệ! Chẳng phải nói là nhà không có tự tánh của nhà,

cho đến chẳng phải các chỗ khác không có voi ngựa trâu dê”: Nhà và Tỳ-kheo có chẳng gọi là không. Nếu các chỗ khác có voi ngựa cũng chẳng thể nói voi ngựa là không.

“Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp tự tướng, cộng tướng, cho đến rất thô trong cái không kia, ông phải xa lìa”. Nói không ấy rất thô, chẳng phải là chân không, cho nên khuyên xa lìa.

**53. Giải thích vô sinh:**

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Vô sinh, cho đến trừ người sống trong tam-muội đó gọi là vô sinh”. Đây là giải thích vô sinh. Nói y theo nhân duyên phá sinh, cho nên nói không tự sinh, nếu phá sinh nói vô sinh thì chẳng phải vô sinh chân thật, trừ người sống trong tam-muội như huyện của Địa thứ tám trở lên, đó gọi là vô sinh chân thật.

“Này Đại Tuệ! Vô tự tánh là do vô sinh, cho đến đó gọi là vô tự tánh”. Nói các pháp một niệm không dừng trụ, do dị tánh khởi, nên gọi là vô tự tánh.

**54. Thế nào là không hai:**

“Thế nào là không hai tướng. Này Đại Tuệ! Như bóng sáng, cho đến đều đối nhau độc lập thì không thành”: Nói thí như bóng sáng dài ngắn, trắng đen, đều do đối đãi mà lập không thật, không được nói hai.

“Này Đại Tuệ! Chẳng phải ngoài sinh tử có Niết-bàn, cho đến vô tự tánh tướng, ông cần nên học”. Nghĩa là nói vọng tưởng tánh không, ngay nơi sinh tử thành Niết-bàn, nếu mê tánh chân thật là có, ngay nơi Niết-bàn thành sinh tử. Nếu sinh tử Niết-bàn không hai thì tất cả các pháp cũng giống như vậy.

**55. Ngộ thì sinh tử là huyện mộng, mê thì các nghiệp sinh tử không hoại:**

“Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, nên nói kệ rằng: Ta thường nói pháp không, xa lìa đoạn và thường, sinh tử như huyện mộng, mà nghiệp kia chẳng hoại”: Ý nói đạo lý chân thật thì sinh tử thật là không, giống như huyện mộng, chỉ vì không hiểu được huyện mộng, nên các nghiệp sinh tử không thể tan hoại.

“Hư không và Niết-bàn, Diệt hai cũng như thế, kẻ ngu vọng phân biệt, các Thánh lìa hữu vô”: Là nói ba vô vi ở trên là không, không được đối với Niết-bàn mà nói sinh tử, cũng không được đối với sinh tử mà nói Niết-bàn, kẻ ngu vọng tưởng nên nói là hai, bậc Thánh thể đạt nên lìa hữu vô.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Đại Bồ-tát Đại Tuệ rằng, cho

đến đều nói nghĩa này”. Nói nghĩa không v.v... vào khắp các kinh, không có một pháp nào chẳng chứa đựng lý này.

**56. Hội quyền về thật:**

“Này Đại Tuệ! Các kinh điển, cho đến muốn cho nghĩ là nước mà thật không có nước”. Đây gọi là hội quyền về thật. Nhưng trong các kinh hữu không nói không, vô sinh, là do chúng sinh hy vọng chẳng phải một. Cho nên Đức Như lai tùy tâm chúng sinh tạo ra các dị thuyết khác nhau, mà thật do tâm ngộ chứng, chẳng phải do lời nói. Thí như bầy nai quá khát nước, thấy ánh nắng mùa xuân mà tưởng là nước, mê loạn chạy đến tìm, nhưng là kia ánh nắng chứ thật chẳng phải nước.

“Điều mà các kinh nói cũng giống như vậy, cho đến nên thuận theo nghĩa chớ chấp lời nói”: Khuyên y theo thật nghĩa chớ có chấp lời nói.

**57. Chúng sanh phiền não cũng có thân Như lai:**

“Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật, cho đến như hạt châu rất quý bỏ trong túi áo dơ”. Kinh Như lai Tạng cũng nói trong tất cả chúng sinh tham sân si phiền não cũng có thân Như lai, thường không bị ô nhiễm, đức tướng đầy đủ như ta không khác.

Ngoại đạo nói ta là tác giả thường còn, cho đến đâu không đồng với ngã của ngoại đạo ư!

Đây là lời hỏi vặn Như lai, nếu nói có nghĩa Như lai tàng thì trái với tất cả kinh điển ở trên đều nên nói không, tức đồng với ngoại đạo nói có thân ngã. Nhưng kia chấp ngã có ba nghĩa: 1. Thể thường gọi là tác giả. 2. Tuy ở trong năm ấm mà lìa cầu-na. 3. Trải qua khắp các đường mà thật chẳng sinh diệt. Nay nói nghĩa Tàng đâu chẳng phải đồng với ngã của ngoại đạo!

**58. Lời Như lai nói khác với thân ngã của ngoại đạo:**

“Phật dạy: Này Đại Tuệ! Ta nói Như lai Tạng, cho đến không nên ở đây khởi chấp đấm ngã”. Ý nói lời Như lai nói khác với thân ngã của ngoại đạo. Ngoại đạo nói ngã như mè, lúa mì, chỉ lập ra định tướng. Phật nói Như lai tàng, hoặc gọi là không, hoặc gọi là thật, cho đến vô nguyện, đây là thể một, ứng theo vật mà có tên khác, không đồng với thân ngã mà ngoại đạo nói, vì kẻ ngu sợ vô ngã đó nên Như lai phương tiện nói cảnh giới không thật có, tạo ra môn Như lai Tạng, khuyên các Bồ-tát không nên đồng chấp ngã như ngoại đạo.

**59. Nêu ví dụ để làm rõ nghĩa:**

“Này Đại Tuệ! Thí như người thợ gốm đối với một đồng đất, cho đến có các tên gọi khác nhau”. Như người thợ gốm đối với một đồng

đất, tùy theo việc cần làm, phương tiện làm ra các thứ, khí cụ để dụ cho Như lai đối với tất cả pháp đều vô ngã, nên ứng với căn cơ phương tiện hoặc nói Như lai tàng, hoặc nói vô ngã, các tên gọi khác nhau.

**60. Muốn lìa vọng kiến phải biết nghĩa Như lai tàng vô ngã:**

“Này Đại Tuệ! Ta nói như Như lai tàng, cho đến nên biết nghĩa vô ngã Như lai tàng”. Đây là muốn nói lìa vọng kiến, chứng Vô thượng Bồ-đề, phải biết nghĩa vô ngã Như lai tàng. Nhưng nói Như lai tàng ấy, gồm có ba nghĩa: 1. Nghĩa ẩn phủ, nghĩa là che lấp Như lai cho nên nói tàng. Kinh Lý Thú Bát-nhã chép: Tất cả chúng sinh đều Như lai tàng. Kinh Thắng-man chép: Pháp thân Như lai không lìa phiền não tàng gọi là Như lai tàng. 2. Nghĩa hợp nhiếp, nghĩa là pháp thân Như lai gồm nhiếp tất cả thân tướng, cõi nước thần thông đại dụng vô lượng công đức, cũng nghĩa là gồm nhiếp tất cả chúng sinh, đều ở trong Như lai tàng. 3. Nghĩa xuất sinh, pháp thân này đã gồm chứa các đức, biết rõ chứng nhập thì có khả năng sinh ra. Cho nên luận Thập Địa chép: Trí địa năng sinh nhân quả vô lậu, cũng năng sinh thành đạo hạnh trời, người. Ba nghĩa này, trước hết y theo khi mê, sau y theo khi ngộ, trung gian in sâu vào thể. Cho nên Kinh Thắng-man chép: Nếu bị vô lượng phiền não trói buộc mà đối với Như lai tàng không nghi ngờ thì sẽ thoát khỏi sự trói buộc đối với vô lượng kho phiền não, pháp thân cũng không nghi ngờ, chỉ có quả hiển bày dễ tin, nhân ẩn khó nói, người hiểu biết nông cạn có hành động khinh nhân trọng quả, mong các người học tin sâu tâm mình.

**61. Phật nói kệ nói về sự nối nhau:**

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ rằng: Sĩ phu uẩn nối nhau, các duyên và cát bụi, thắng, tự tại tác giả, đây chỉ tâm phân biệt”. Ngoại đạo chấp do thần ngã nên làm cho ấm nối nhau, lại chấp cát bụi v.v... làm duyên với pháp, nhân duyên sinh, hoặc chấp tất cả đều do trời Tự tại thù thắng mầu nhiệm làm ra. Đây chỉ là tâm lượng vọng tưởng.

